

**Biểu 4: BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU THÁNG 4/2024**

Chỉ tiêu	ĐVT	KH2024	TH 3T	ƯỚC T4	ƯỚC 4T	So KH (%)	so cùng kỳ (%)
1. KN Xuất khẩu	1000 USD	750,000	414,000.00	60,000.00	474,000.00	63.20	152.90
<i>Mặt hàng xuất khẩu</i>			-		-		
1. Cà phê	Tấn		125,714.00	10,000.00	135,714.00		115.01
Giá trị	1000 USD		394,000.00	30,000.00	424,000.00		161.83
2. Mủ cao su	Tấn		60.00	20.00	80.00		18.31
Giá trị	1000 USD		91.00	30.00	121.00		23.50
3. Gỗ tinh chế	1000 USD		895.00	50.00	945.00		484.62
5 Hàng khác	1000 USD		19,014.00	29,920.00	48,934.00		103.48
2. KN Nhập khẩu	1000 USD	115,000.00	88,000.00	3,000.00	91,000.00	79.13	178.43
<i>Mặt hàng nhập khẩu</i>				-	-		
1. Gỗ, nguyên phụ liệu gỗ	1000 USD		-	-	-		
2. Máy móc thiết bị	1000 USD		-	-	-		
3. Sắn lát	Tấn		53,650.00	1,000.00	54,650.00		3,643.33
Giá trị	1000 USD		7,620.00	142.00	7,762.00		2,156.11
4. Hạt điều	Tấn		18,700.00	1,500.00	20,200.00		102.80
Giá trị	1000 USD		22,272.00	1,850.00	24,122.00		106.35
5. cao su tự nhiên	Tấn		1,227.00		1,227.00		29.21
giá trị	1000 USD		1,256.00		1,256.00		26.17
6. Hàng khác	1000 USD		56,852.00	1,008.00	57,860.00		251.75